|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2019/TT-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp, đào tạo, xét tặng**

**giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước**

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp, đào tạo, xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện kiểm tra các hoạt động sau:

1. Hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Hoạt động đào tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

a) Đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý;

b) Đào tạo về tư vấn, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với chuyên gia tư vấn, đánh giá.

3. Hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân.

4. Hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận), tổ chức công nhận đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định (đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ).

3. Cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

4. Cơ sở đào tạo kiến thức quản lý hành chính nhà nước đối với chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (sau đây viết tắt là HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

5. Cơ sở đào tạo về tư vấn, đánh giá HTQLCL cho chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

6. Tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

7. Tổ chức chứng nhận được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

8. Đơn vị tổ chức xét thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

9. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp; hoạt động đào tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân; hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

10. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Căn cứ kiểm tra**

1. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

2. Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

3. Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

4. Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

5. Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

6. Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân;

7. Thông tư số 03/2010/TT-BKHCN ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động đào tạo kiến thức quản lý hành chính nhà nước đối với chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong cơ quan hành chính nhà nước;

8. Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

9. Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra**

1. Hoạt động kiểm tra phải bảo đảm nguyên tắc chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, không phân biệt đối xử; không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cơ sở được kiểm tra.

2. Hoạt động kiểm tra phải đúng nội dung, phạm vi, đối tượng theo quyết định kiểm tra; tuân thủ trình tự, thủ tục theo hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hằng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phê duyệt hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**Chương II**

**XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT, BAN HÀNH KẾ HOẠCH KIỂM TRA**

**Điều 5. Kế hoạch kiểm tra**

1. Kế hoạch kiểm tra của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gồm:

a) Kế hoạch kiểm tra định kỳ là kế hoạch kiểm tra được xây dựng từ năm trước để triển khai thực hiện trong chu kỳ năm tiếp theo;

b) Kế hoạch kiểm tra đột xuất là kế hoạch kiểm tra được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

2. Kế hoạch kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp phát hiện thấy đối tượng kiểm tra trong kế hoạch kiểm tra có chồng chéo, trùng lặp với đối tượng thanh tra hoặc kế hoạch kiểm tra chuyên ngành khác, phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan cấp trên và cơ quan, đơn vị có liên quan để có giải pháp phù hợp.

**Điều 6. Xây dựng, phê duyệt hoặc ban hành kế hoạch kiểm tra**

1. Căn cứ tình hình, yêu cầu quản lý nhà nước hoặc theo chỉ đạo bằng văn bản của cấp trên có thẩm quyền, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ của năm tiếp theo trước ngày 30 tháng 11 hằng năm và triển khai tổ chức thực hiện.

2. Trường hợp cần thiết phải bổ sung, sửa đổi nội dung kế hoạch kiểm tra định kỳ đã được phê duyệt, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành quyết định điều chỉnh nội dung của kế hoạch kiểm tra định kỳ.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM TRA**

**Điều 7. Ban hành Quyết định kiểm tra**

1. Việc kiểm tra phải có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền.

2. Nội dung của Quyết định kiểm tra phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đúng với phạm vi kiểm tra được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Điều 3 Thông tư này;

b) Đúng với thẩm quyền, lĩnh vực kiểm tra được giao;

c) Đúng đối tượng, nội dung kiểm tra trong kế hoạch kiểm tra đã được xây dựng, phê duyệt hoặc ban hành theo quy định tại Thông tư này.

3. Việc thành lập Đoàn kiểm tra phải được thể hiện trong Quyết định kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 8. Thành phần Đoàn kiểm tra và người tham gia giúp việc Đoàn kiểm tra**

1. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm có:

a) Trưởng Đoàn kiểm tra là công chức thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, giữ ngạch chuyên viên chính trở lên;

b) Thành viên Đoàn kiểm tra là công chức, viên chức thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

c) Thành viên Đoàn kiểm tra là người thuộc cơ quan, đơn vị khác được cử tham gia phối hợp trong việc kiểm tra có nội dung liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực (trong trường hợp cần thiết).

2. Trong trường hợp cần thiết, người ban hành quyết định kiểm tra phân công người thuộc thẩm quyền quản lý của mình tham gia giúp việc cho Đoàn kiểm tra. Người được cử tham gia giúp việc Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm tra và không được trực tiếp tham gia các hoạt động có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra. Danh sách người tham gia giúp việc cho Đoàn kiểm tra, người thuộc cơ quan, đơn vị khác được cử tham gia phối hợp trong việc kiểm tra phải được thể hiện trong Quyết định kiểm tra.

**Điều 9. Thực hiện Quyết định kiểm tra**

1. Trưởng Đoàn kiểm tra là người đứng đầu Đoàn kiểm tra, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về kết quả kiểm tra. Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập chương trình làm việc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Đoàn kiểm tra và điều hành hoạt động của Đoàn kiểm tra.

Thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các công việc do Trưởng Đoàn phân công và chịu trách nhiệm về kết quả công tác của mình.

2. Trình tự tiến hành kiểm tra

a) Thông báo quyết định kiểm tra

- Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra chậm nhất 05 (năm) ngày trước thời điểm tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đột xuất, Đoàn kiểm tra không phải thông báo cho tổ chức, cơ sở được kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra.

- Trường hợp trước thời điểm tiến hành kiểm tra 02 (hai) ngày, tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra có văn bản đề nghị hoãn thời gian tiến hành kiểm tra, đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm xử lý, báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, quyết định.

b) Tiến hành công tác kiểm tra

- Đoàn kiểm tra có trách nhiệm công bố Quyết định kiểm tra với tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra và tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra có trách nhiệm chấp hành Quyết định kiểm tra.

- Sau khi công bố Quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra phải phân công các thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra theo nội dung, chương trình làm việc đã xây dựng.

- Các thành viên Đoàn kiểm tra phải thực hiện kiểm tra theo các nội dung được phân công của Trưởng đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm về phần công việc được giao.

**Điều 10. Lập biên bản kiểm tra**

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra thực hiện việc lập biên bản kiểm tra để ghi nhận kết quả, kết luận kiểm tra (nếu có) ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra tại nơi kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Biên bản kiểm tra được lập phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Khi lập biên bản kiểm tra phải có mặt tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra; biên bản kiểm tra phải được Trưởng đoàn kiểm tra, các thành viên Đoàn kiểm tra và đại diện pháp lý của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra ký xác nhận.

Biên bản kiểm tra phải được thống nhất trong Đoàn kiểm tra trước khi công bố công khai với tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra. Nếu có thành viên trong Đoàn kiểm tra không thống nhất thì Trưởng đoàn kiểm tra có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung biên bản kiểm tra. Thành viên trong Đoàn kiểm tra có quyền bảo lưu ý kiến, số liệu đã kiểm tra và báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra từ chối ký biên bản kiểm tra thì khi lập biên bản kiểm tra phải có người chứng kiến việc lập biên bản kiểm tra và ghi rõ lý do từ chối vào biên bản. Biên bản này vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, các thành viên Đoàn kiểm tra và người chứng kiến.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra vắng mặt hoặc cố tình trốn tránh thì khi lập biên bản kiểm tra phải có đại diện Ủy ban nhân dân hoặc đại diện cơ quan công an cấp xã và người chứng kiến. Biên bản này vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, các thành viên Đoàn kiểm tra và đại diện Ủy ban nhân dân hoặc đại diện cơ quan công an cấp xã và người chứng kiến.

3. Nội dung biên bản kiểm tra:

a) Biên bản kiểm tra phải ghi đầy đủ, chính xác, trung thực kết quả theo từng nội dung kiểm tra, ý kiến của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra hoặc đại diện của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra, cơ quan phối hợp kiểm tra, người chứng kiến nếu có và ý kiến nhận xét, đánh giá, kiến nghị, đề xuất của Đoàn kiểm tra đối với vụ việc kiểm tra;

b) Biên bản kiểm tra phải có đủ chữ ký của đại diện các bên liên quan đến việc kiểm tra, lập biên bản. Trường hợp biên bản có nhiều trang, nhiều liên kể cả phụ lục, bảng kê kèm theo biên bản thì phải có chữ ký của những người này vào từng trang, từng liên của biên bản, phụ lục và bảng kê kèm theo.

c) Trường hợp có nội dung kiểm tra phát hiện dấu hiệu vi phạm hành chính cần phải thẩm tra, xác minh làm rõ để kết luận thì biên bản kiểm tra phải thể hiện đề xuất của Đoàn kiểm tra với người ban hành quyết định kiểm tra về việc tiếp tục tổ chức thu thập, thẩm tra, xác minh, bổ sung tài liệu, chứng cứ.

**Điều 11. Lập Biên bản vi phạm hành chính**

1. Việc lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Trưởng Đoàn kiểm tra lập Biên bản vi phạm hành chính theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BKHCN ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và báo cáo, kiến nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đã có kết luận về tất cả các nội dung kiểm tra trong đó có nội dung phát hiện hành vi vi phạm hành chính, Trưởng đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với vi phạm hành chính đã phát hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp kết quả kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân có nội dung phát hiện vi phạm hành chính, có nội dung chưa xác định được vi phạm hành chính cần phải thẩm tra, xác minh thêm thì Trưởng đoàn kiểm tra chỉ lập biên bản vi phạm hành chính khi đã có đủ kết luận về tất cả nội dung kiểm tra trong đó có nội dung phát hiện hành vi vi phạm hành chính.

**Điều 12. Xử lý kết quả kiểm tra**

1. Sau khi hoàn tất cuộc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì về kết quả kiểm tra và các kiến nghị xử lý cụ thể (nếu có).

Căn cứ kiến nghị của Trưởng đoàn kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan (khi cần thiết), báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kết quả kiểm tra và các kiến nghị các biện pháp xử lý (nếu có).

2. Trường hợp có lập biên bản vi phạm hành chính, chậm nhất trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập xong biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, Trưởng đoàn kiểm tra phải báo cáo hồ sơ vụ việc đến người ban hành quyết định kiểm tra thông qua đơn vị được giao chủ trì để xử lý kết quả kiểm tra theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra**

1. Hồ sơ vụ việc kiểm tra bao gồm toàn bộ tài liệu có liên quan đến việc kiểm tra bao gồm: Quyết định kiểm tra, Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính (nếu có), bằng chứng khẳng định vi phạm, văn bản báo cáo, kiến nghị và các văn bản, tài liệu liên quan đến xử lý kết quả kiểm tra.

2. Hồ sơ vụ việc kiểm tra được giao nhận, bảo quản, lưu trữ và tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Điều 14. Bảo mật thông tin**

1. Các thông tin, tài liệu, hồ sơ vụ việc liên quan đến hoạt động kiểm tra phải được bảo mật theo quy định.

2. Trưởng Đoàn, thành viên, người tham gia giúp việc Đoàn kiểm tra cố tình tiết lộ hoặc phát ngôn cung cấp thông tin về vụ việc kiểm tra khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Xây dựng, phê duyệt hoặc ban hành kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra.

2. Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đã được phê duyệt, tuân thủ nguyên tắc kiểm tra quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Căn cứ hồ sơ kiểm tra, xem xét, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Định kỳ ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình kiểm tra.

**Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. tháng …. năm 2019.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trường hợp có văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;  - Công báo VPCP;  - Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;  - Lưu: VT, TĐC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Tùng** |

**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2019/TT-BKHCN ngày ... tháng…năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN**  **ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-TĐC | *Hà Nội, ngày ....... tháng ....... năm 20...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp,**

**hoạt động đào tạo; hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân năm ….**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tư­ớng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lư­ờng Chất l­ượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp, hoạt động đào tạo; hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân của năm...... (Kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch được duyệt theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** *…nêu rõ nguồn kinh phí để thực hiện hoạt động kiểm tra, cơ quan bảo đảm kinh phí kiểm tra…*

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Thanh tra, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 5;  - Lưu VP, HCHQ. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA**

**HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP, HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO; HOẠT ĐỘNG**

**TƯ VẤN XÂY DỰNG, ÁP DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ**

**CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001 TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC; HOẠT ĐỘNG**

**XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(ban hành kèm theo Quyết định số........../QĐ-TĐC ngày...... tháng .......năm.....*

*của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức, cơ sở được kiểm tra** | **Nội dung kiểm tra** | **Đơn vị chủ trì/phối hợp** | **Thời gian kiểm tra** |
| I | Đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp | | | |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |
| II | Đối với tổ chức công nhận | | | |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| III | Đối với cơ sở đào tạo | | | |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |
| IV | Đối với tổ chức tư vấn, đánh giá HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 | | | |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |
| V | Đối với tổ chức xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân | | | |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |

**Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2019/TT-BKHCN ngày ... tháng…năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN**  **ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-TĐC | *Hà Nội, ngày ....... tháng ....... năm 20...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp, hoạt động đào tạo;**

**hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý**

**chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan,**

**tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tư­ớng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lư­ờng Chất l­ượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Kiểm tra hoạt động nào thì lựa chọn ghi căn cứ dưới đây:

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2010/TT-BKHCN ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động đào tạo kiến thức quản lý hành chính nhà nước đối với chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp;*

Căn cứ Quyết định số................/QĐ-TĐC ngày .......tháng......năm....... của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm..... (nếu là cuộc kiểm tra theo kế hoạch);

Căn cứ chỉ đạo của.............................về việc.........................(nếu là cuộc kiểm tra đột xuất);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp/hoạt động đào tạo/hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước/hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân gồm các thành viên sau:

1. Họ tên và chức vụ: Trưởng đoàn;
2. Họ tên và chức vụ: Thành viên;
3. .....

**Điều 2.** Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp/hoạt động đào tạo/hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước/hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân đối với:

- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra:

- Nội dung kiểm tra:

- Chế độ kiểm tra: (theo kế hoạch hằng năm/đột xuất)

- Thời gian kiểm tra: từ ngày .... tháng .... năm ..... đến ngày .... tháng .... năm ....

**Điều 3.** *…nêu rõ nguồn kinh phí để thực hiện hoạt động kiểm tra, cơ quan bảo đảm kinh phí kiểm tra…*

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Đoàn kiểm tra, ...(tên tổ chức, cơ sở được kiểm tra)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 5;  - Lưu VT, HCHQ. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

***Ghi chú:*** Kiểm tra hoạt động nào thì ghi hoạt động đó tại Điều 2 (ví dụ kiểm tra hoạt động chứng nhận thì ghi “chứng nhận”, kiểm tra hoạt động công nhận thì ghi “công nhận”).

**Phụ lục III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2019/TT-BKHCN ngày ... tháng…năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*............., ngày tháng năm 20......*

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

- Kiểm tra hoạt động nào thì lựa chọn ghi căn cứ dưới đây:

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2010/TT-BKHCN ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động đào tạo kiến thức quản lý hành chính nhà nước đối với chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp;*

- Căn cứ Quyết định số......./QĐ-TĐC ngày ...../...../20....của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp/hoạt động đào tạo/hoạt động tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước/hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng của tổ chức, cá nhân;

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày .... tháng .... năm .... đến ngày .... tháng .... năm .... tại.... (tên, địa chỉ tổ chức, cơ sở được kiểm tra).................

**Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:**

1) .............. Chức vụ: ......................................... - Trưởng đoàn.

2) .............. Chức vụ: ......................................... - Thành viên.

3) .............. Chức vụ: ......................................... - Thành viên.

**Đại diện của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra gồm:**

1) .............. Chức vụ: .........................................

2) .............. Chức vụ: .........................................

3) .............. Chức vụ: .........................................

**I. Nội dung kiểm tra**

**II. Nhận xét**

**III. Kiến nghị**

**IV. Ý kiến của tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra** (nếu có)

Việc kiểm tra kết thúc vào hồi ......, ngày .... tháng .... năm ........

Biên bản lập thành hai bản, giao cho tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra một bản và đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện tổ chức, cá nhân, cơ sở được kiểm tra ......**  (ký tên và đóng dấu) |  | **Trưởng đoàn**  **kiểm tra**  (ký, ghi rõ họ tên) |

**Các thành viên**

**Đoàn kiểm tra**

(ký, ghi rõ họ tên)